

# TỪ HUYỀN THOẠI VỀ BIỂN ĐẾN CƠ TÀNG VĂN HÓA BIỂN NHẬN THỨC VỀ BIỂN, ĐẢO TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, VĂN HÓA DÂN TỘC

PGS.TS Nguyễn Văn Kim

Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội

*Lời dẫn:* Nằm ở bờ Tây của Thái Bình Dương, Việt Nam là một quốc gia thuộc Đông Nam Á bán đảo. Với đường bờ biển dài 3.260 km, phía Đông và Đông Nam Tổ quốc ta đều giáp biển. Nếu như ở vùng Đông Bắc có vịnh Bắc Bộ, một trung tâm kinh tế lớn, sớm có mối quan hệ mật thiết với các quốc gia khu vực Đông Bắc Á thì ở cực Nam của đất nước cũng có vùng Biển Tây mà nhiều người vẫn quen gọi là “vịnh Thái Lan”<sup>1</sup>. Nằm ở vị trí trung chuyển giữa hai vịnh biển lớn là dải bờ biển miền Trung có nhiều hải cảng tự nhiên nổi tiếng thế giới. Từ những thế kỷ trước, sau Công nguyên, những chủ nhân của văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Phù Nam... đã có nhiều mối liên hệ mật thiết với các nền văn hóa khu vực Đông Á và cả những nền văn minh khác ở Tây Nam Á<sup>2</sup>. Là những không gian biển giàu tiềm năng đồng thời có vị trí giao thương trọng yếu nên biển Việt Nam đã sớm trở thành môi trường sống và mạch nguồn giao lưu kinh tế, văn hoá... với các quốc gia khu vực. Đến thế kỷ XVI-XVIII, trong thời đại hoàng kim của hệ thống hải thương châu Á, cũng như nhiều dân tộc phương Đông, Việt Nam vừa đồng thời đón nhận, xác lập quan hệ vừa chịu nhiều áp lực kinh tế, chính trị, tôn giáo... từ các cường quốc, đế chế đại dương (*Maritime empires*) phương Tây tràn tới.

<sup>1</sup> Thuật ngữ này chỉ mang tính ước lệ, nhằm để chỉ một không gian Địa-kinh tế, Địa-văn hoá, nơi Việt Nam có bờ biển, lãnh hải, cùng chia sẻ lợi ích kinh tế và có nhiều mối quan hệ lâu đời với các quốc gia trong khu vực. Trong quan hệ bang giao, giao thương quốc tế người Trung Quốc đã sớm có những tư liệu thành văn viết về vùng “vịnh Thái Lan”. Mô tả về địa thế của Phù Nam, *Tấn thư* xác định: “Nước Phù Nam cách Lâm Ấp về phía Tây hơn ba nghìn lý, ở trong vùng vịnh biển lớn”. Tiếp đó, đến thế kỷ VII, *Lương thư* cũng tiếp tục khẳng định: “Nước Phù Nam ở phía Nam quận Nhật Nam, trong vịnh lớn phía Tây của biển”; Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG HN, Mã số 0035.

<sup>2</sup> Có thể tham khảo Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, tập II, Thời đại kim khí, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1999; Phan Huy Lê: *Tìm về cội nguồn*, tập I, Nxb. Thế Giới, H., 1998; Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ - Viện KHXH tại Tp HCM: *Một số vấn đề về khảo cổ học ở Miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1997.

Trong hành trình lịch sử - văn hóa của dân tộc Việt, *Sông - Nước* (bao gồm cả yếu tố *Biển*), không chỉ là bộ phận hợp thành mà còn tạo nên đặc tính văn hóa tiêu biểu trong truyền thống văn hóa dân tộc. Người ta vẫn nói nước là nguồn gốc của sự sống, nước nuôi dưỡng con người, bồi tụ nên các châu thổ cho cư dân canh tác lúa nước, là nguồn năng lượng, góp phần điều hòa môi trường sống v.v... Trong ý nghĩa đó, ven các dòng sông lớn và ở vùng cửa sông như sông Hồng, sông Mã, sông Lam, Thu Bồn, sông Côn, Đồng Nai, Cửu Long... chảy về Biển Đông, đã dần hình thành các trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị, cảng thị... để rồi kết tụ nên nền văn hóa - văn minh của Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Từ huyền thoại về biển đến cơ tầng văn hóa biển, từ truyền thống khai thác biển đến tư duy hướng biển, từ truyền thống thủy quân<sup>1</sup> đến khả năng phát triển hải thương và ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo... tất cả đều cho thấy dân tộc ta đã sớm dần thân với biển, sớm có tư duy hướng biển và cũng sớm thể hiện khả năng chinh phục, làm chủ biển khơi<sup>2</sup>.

Coi huyền thoại, truyền thuyết là một bộ phận hợp thành của truyền thống văn hóa, gắn với niềm tin, tâm thức dân tộc. Huyền thoại, truyền thuyết tuy luôn có những sắc màu huyền nhiệm nhưng cũng luôn chứa đựng trong đó những giá trị hiện thực, cốt lõi lịch sử. Trên cơ sở tập trung khảo cứu các huyền thoại lịch sử và cứ liệu khảo cổ học, di tích văn hóa ở vùng biển, đảo Đông Bắc và Bắc Trung Bộ, bài viết cố gắng vận dụng cách tiếp cận liên ngành nhằm góp phần làm rõ một trong những đặc tính tiêu biểu của truyền thống văn hóa Việt Nam. Với cách tiếp cận đa chiều đó, trong một cái nhìn so sánh, chúng tôi cũng muốn góp phần luận giải về tính đa dạng của lịch sử, văn hóa Việt Nam đồng thời củng cố một số nhận thức mới về truyền thống văn hóa dân tộc. Đó chính là hành trang hữu ích để dân tộc ta tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; có định hướng, chiến lược biển đúng đắn, hội nhập mau chóng với môi trường kinh tế, xã hội khu vực.

---

<sup>1</sup> Phan Huy Lê - Bùi Đăng Dũng - Phan Đại Doãn - Phạm Thị Tâm - Trần Bá Chí: *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb. Quân đội Nhân dân, H., 2004; Nguyễn Việt - Vũ Minh Giang - Nguyễn Mạnh Hùng: *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, Nxb. Quân đội Nhân dân, H., 1983.

<sup>2</sup> *Đô thị cổ Hội An*, Ủy ban Quốc gia Hội thảo Quốc tế về Đô thị cổ Hội An; Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991; Viện Đông Nam Á: *Biển với người Việt cổ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H., 1996; Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế Giới, H., 2007; Trần Quốc Vượng: *Việt Nam - Cái nhìn địa - văn hoá*, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H., 1998; Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sĩ Khải: *Văn hóa Óc Eo - Những khám phá mới*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1995...

## 1. Từ những huyền thoại về biển

Trong kho tàng văn hóa của dân tộc, về thời lập quốc có biết bao huyền thoại, huyền tích... gắn liền với tâm thức của các cộng đồng cư dân về biển. Biển là điểm khởi nguồn đồng thời cũng là nơi trở về của nhiều nhân vật huyền thoại trong ký ức của bao lớp cư dân Việt. Thuở *Đất - Nước* sinh thành, từ *Biển*, Lạc Long Quân đã tiến về với *Đất (Mẹ - Mẫu)*, hợp duyên cùng Âu Cơ, sinh trăm trứng, đẻ trăm con. Đến lúc trưởng thành, Thần biển Lạc Long Quân lại dẫn năm mươi người con về với biển, tiến hành công cuộc khai phá, chinh phục biển khơi. Họ là những Anh hùng của một thời đại!

Điều chắc chắn là, chỉ với những công cụ, vũ khí giản đơn, bằng bàn tay và khối óc, với ý chí mạnh mẽ muốn và dám vươn ra biển, *lịch sử dân tộc ta đã xuất hiện cuộc phân công lao động xã hội đầu tiên*. Cuộc phân công đó không tiến triển theo mô hình chung mang tính phổ quát là sự chia tách giữa *trồng trọt* với *chăn nuôi* và sau đó là giữa *thủ công nghiệp* với *nông nghiệp*, mà chuyển vận theo một phương thức riêng. Theo truyền thuyết, cuộc phân công xã hội đầu tiên đó đã được thực hiện theo một cách thức đặc thù kiểu Á Đông và định thành từ chính môi trường sống của bộ phận cư dân chịu sự chi phối của Hệ sinh thái phổ tạp nhiệt đới (*General ecosystem*). Điểm khởi nguyên của cuộc phân công đó là việc xác lập các không gian khai phá, khẳng định môi trường sinh tồn, phát triển. Sự phân lập đó đã được tiến hành giữa *Biển* với *Lục địa*, giữa *Đất* và *Nước* - Những bộ phận hợp thành trong một cộng đồng dân tộc<sup>1</sup>.

Huyền thoại Lạc Long Quân, vua xứ *Lạc (Nác - Nước)* hợp duyên cùng Âu Cơ (*Núi*), sinh ra một trăm người con để rồi lại phân chia nửa theo *Mẹ* về *Núi* (Lục quốc) nửa theo *Cha* xuống *Biển* (Thủy quốc). Trong tư duy về vũ trụ luận thuở hồng hoang, đó không phải là một sự phân lập tuyệt đối giữa *Núi* với *Biển*, giữa *Ám* với *Dương* mà là dạng thức chia để hợp. Mặc dù có sự chia tách (tạm thời, tương đối) nhưng hai bên vẫn có sự giao ước “khi lên cạn, khi xuống nước thăm hỏi lẫn nhau”<sup>2</sup>. Sự ước giao đó chính là nhằm để bù lấp những thiếu hụt về tài nguyên thiên nhiên, thoả mãn những khát vọng về tình

<sup>1</sup> Trong công trình nghiên cứu của mình nhà khảo cổ học Nguyễn Khắc Sừ cũng cho rằng: “Cư dân tiền sử Việt Nam tiếp xúc với biển từ khá sớm, nhưng khai thác biển thực sự chỉ bắt đầu từ thời kỳ đá mới. Sự thiết lập văn hóa biển đi liền với sự phân vùng kinh tế - xã hội đầu tiên ở Việt Nam. Trong mỗi vùng văn hóa biển đó có những sáng tạo quan trọng trước hết về đồ gốm, mang ý nghĩa thời đại”. Nguyễn Khắc Sừ: *Di chỉ tiền sử Cái Bèo, đảo Cát Bà*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009, tr.271.

<sup>2</sup> Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chích quái*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993, tr.47.

cảm, sự hoà hợp Âm - Dương vốn vẫn là bản chất của *Tự nhiên* và cả của *Con người*. Điều đáng chú ý là, thế giới của Lạc Long Quân - Cha (Nam - Dương) lại chính là ở Biển (Nước - Âm). Phải chăng, ngay từ thời bấy giờ, trong tâm thức của người Việt cổ, đã thể hiện một dạng thể tư duy phức hợp, hỗn hợp về sự tồn tại của những thực thể trong một chỉnh thể theo nguyên tắc mà ngày sau được khái lược thành quy luật âm dương hòa hợp. Cách thức tư duy đó đã xuất hiện sớm trong tâm thức của cư dân phương Nam, của người Âu Việt, Lạc Việt vốn vẫn được biểu đạt sâu sắc, sinh động trong nhiều sinh hoạt, dạng thức tư duy văn hóa, trong các hoa văn, hoạ tiết trang trí trên các trống đồng, thạp đồng cùng nhiều sản phẩm văn hóa vật thể khác.

Quá trình hội cư, nhập cư giữa hai xu thế *Rừng - Núi tràn xuống* và *Biển tiến về* đã tạo nên thể hỗn giao và sắc thái đa dạng của văn hoá Việt. Trong khung cảnh đó, tâm thức dân tộc luôn thể hiện lối tư duy kép lưỡng phân và lưỡng hợp<sup>1</sup>. Theo GS. Trần Quốc Vương thì đó chính là hiện tượng “*lưỡng phân Âu Lạc*” gắn với các huyền thoại, huyền sử về thời lập quốc. Nếu như có cái nhìn so sánh chúng ta thấy, truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ có nhiều nét tương đồng với huyền tích về thời lập quốc của vương quốc Phù Nam với sự hiện diện của hai nhân vật trung tâm Hồn Điền - Liễu Diệp<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trần Quốc Vương: *Vài suy nghĩ tản mạn về trống đồng*, trong: Theo dòng lịch sử, Nxb. Văn hoá Thông tin, H., 1996, tr.17-38.

<sup>2</sup> Mặc dù không thể khẳng định một cách chắc chắn nguồn gốc xuất thân của Hồn Điền nhưng đặt trong bối cảnh lịch sử Phù Nam và Đông Nam Á thời bấy giờ có thể đoán định rằng Hồn Điền thuộc đẳng cấp Ksatoria, theo Bà La Môn giáo, từ miền Nam Ấn Độ tới. Bằng sức mạnh biểu trưng đầy nam tính, sự hiện diện của Hồn Điền (yếu tố ngoại sinh) đã tác động mạnh đến nữ vương Liễu Diệp (nội sinh), mà theo *Luong thu* “là một phụ nữ trẻ đẹp, khoẻ mạnh giống như đàn ông”. Hồn Điền đã hợp duyên với Liễu Diệp và làm thay đổi căn bản lịch sử và xã hội Phù Nam. Phải chăng từ cuộc giao thoa sinh học đầy nhân tính mang ý nghĩa đặc trưng cho hai thế giới, hai dạng thức văn hoá đó, xã hội mẫu hệ đã căn bản kết thúc và cũng từ đó Phù Nam đã kết nối được với Ấn Độ, một trung tâm văn minh lớn. Từ một xã hội còn nhiều sơ khai, Phù Nam đã mau chóng mở rộng cương vực lãnh thổ, trở thành một trong những quốc gia có trình độ phát triển cao nhất ở Đông Nam Á. Chỉ sau thời lập quốc một thời gian ngắn, từ thế kỷ III, Phù Nam đã là một *Vương quốc biển* rồi *Đế chế biển* có nhiều ảnh hưởng với đời sống chính trị, văn hoá và quan hệ giao thương khu vực. Nhiều tiểu quốc trong khu vực phải thần phục Phù Nam. Xem Nguyễn Văn Kim: *Dấu ấn cổ sơ của các xã hội Đông Nam Á*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 (386), 2008. Chia sẻ quan điểm với Pelliot trong tác phẩm “*Le Fou-nan*”, “*Quelques textes Chinois concernant l'Indochine Hindouisée*” Et.Asiat, EFEO, II, p.243, học giả Pháp G.Coedès cho rằng: “Theo Khang Thái, vua đầu tiên của Phù Nam chắc hẳn là Hồn Điền, đó chính là Kaundinya, ông có thể từ Ấn Độ, từ bán đảo Mã Lai hay từ các đảo phương Nam tới”, G.Coedès: *The Indianized States of Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu, 1968, p.37.

Vào thời lập quốc, cuộc sống của một bộ phận cư dân Việt cổ luôn gắn và gắn với môi trường biển. Theo *Tân đình Lĩnh Nam chích quái* thì vào thời Hùng Vương thứ hai, ở Biển Đông có những loài cá khổng lồ, *khi thuyền buôn đi qua* (TG nhân mạnh) chúng thường quấy đuôi nổi sóng khiến thuyền bị nạn. Loài yêu ấy có thể nhai sống người, nuốt cả thuyền! Chúng hẳn phải sống ở vùng biển sâu, rộng lớn. Sự quấy nhiễu của Ngư tinh khiến nhà vua có ý định làm con đường khác cho khách thương qua lại. Thấu hiểu nỗi khổ của cư dân và các khách thương, ở Thủy cung, *Long Quân bèn hoá thân thành một chiếc thuyền buôn* (chứ không phải thuyền đánh cá hay thuyền chiến - TG) có đủ chèo bơi, rồi điềm nhiên đến nơi Ngư tinh thường hay lui tới. Khi Ngư tinh định nuốt lấy thuyền, Long Quân liền dùng thoi sắt nung đỏ, nặng ngót trăm cân và gươm thần để tiêu diệt<sup>1</sup>.

Như vậy, sức mạnh siêu việt của Lạc Long Quân đã kết hợp với sức mạnh của vũ khí, của thời đại đồ sắt - kim khí để tạo nên sức mạnh tổng hợp chiến thắng Thủy quái - Ngư tinh. Ông đã dùng quyền năng thần thánh của mình để bảo vệ sự bình yên cho biển cả, cho các thuyền buôn qua lại. Điều thú vị là, chính ông đã tự hoá thân thành một thương thuyền để dụ Ngư tinh tới. Chắc hẳn thời bấy giờ, thuyền buôn thường xuất hiện trên biển và là đối tượng quan tâm chính yếu của Ngư tinh. Trong ý nghĩa đó, *Lạc Long Quân chính là vị Thần Biển đầu tiên trong tâm thức của cư dân Việt cổ*. Vị thần đó có thể bảo vệ cho các thương nhân cũng như các hoạt động khai thác, giao thương trên biển. Về sau, con cháu của ông, tức các vua Hùng, còn dạy cho dân cách lấy mực đen vẽ mình (xăm hình, chạm trổ) để Giao Long sợ, không dám làm hại<sup>2</sup>.

Không chỉ có quyền năng chinh phục, làm chủ biển khơi, tuy sống ở Thủy cung nhưng khi “trăm họ” có việc, Long Quân vẫn luôn sẵn sàng trở về với đất liền, cứu dân, giúp đời. Ông vẫn thể hiện một tinh thần trách nhiệm cao nhất với các lớp cháu con vốn mang trong mình một phần dòng máu Biển. Theo huyền thoại, ông còn từng giúp dân khỏi sự quấy nhiễu của người phương Bắc, ngăn chặn sự xâm lấn của giặc Hồ Tinh (tức nước Hồ Tôn - Chiêm Thành) ở phương Nam. Nhưng, không chỉ giúp dân diệt trừ hải tặc và

---

vương quốc Phù Nam, tham khảo thêm Phan Huy Lê: *Qua di tích Văn hoá Óc Eo và thư tịch cổ thu nhận diện nước Phù Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 11 (379) 2007.

<sup>1</sup> Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chích quái*, Sđd, tr.57.

<sup>2</sup> Không chỉ cư dân biển, ngay cả những người sống ở vùng rừng núi họ vẫn làm nghề cá và thường bị Giao long làm hại. Tục truyền vua Hùng đã dạy cho họ “lấy mực đen vẽ mình cho quái gờ, Giao long thấy sợ, không dám làm hại”. Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chích quái*, Sđd, tr.48.

nhân tặc, Lạc Long Quân còn “dạy dân cấy lúa, nuôi tằm, bắt đầu đời sống có quy củ”<sup>1</sup>. Như vậy, “Lạc Long Quân đã được diễn tả như là một nhân vật có quyền lực siêu nhiên, nhân vật đó không chỉ thể hiện những phép mầu huyền diệu mà còn là người đầu tiên dạy cho dân chúng biết cấy lúa, nuôi tằm đồng thời biết tuân thủ theo những nguyên tắc đạo đức giữa người thống trị và người bị trị cũng như chức phận cha con. Hơn thế nữa, huyền thoại cũng cho biết từ đây người Việt bắt đầu biết đến khái niệm về “Cha” và “Chủ”. Tóm lại, tất cả những nhân tố đó đã hợp thành thiên tính của Lạc Long Quân chính là vị anh hùng khai sáng ra nền văn hoá dân tộc”<sup>2</sup>.

Cũng theo huyền thoại, đất nước mà Lạc Long Quân và Âu Cơ khai phá là nơi hết sức giàu có. Được Đế Nghi truyền ngôi, nhân trong nước vô sự, Đế Lai sai Xuy Vưu làm giám quốc rồi tuần du đến phương Nam. “Sang đến đây, vua thấy khắp nơi cảnh đẹp, vật lạ, ngọc ngà, châu báu, đồi mồi, vàng bạc, trầm hương, nhục quế các loại rất nhiều, khí hậu thì nóng lạnh chênh lệch nhau nhiều”<sup>3</sup>. Huyền thoại cũng cho biết thêm: “Thời đó chưa có cau, phàm lấy vợ lấy chồng, lấy muối gói làm lễ hỏi, rồi sau giết trâu, bò làm lễ thành hôn. Lại lấy com nếp làm lễ nhập phòng, hai bên cùng ăn”<sup>4</sup>.

Hẳn là, muối là một loại sản vật quý và nó càng trở nên quý hiếm trong cuộc sống của cư dân vùng châu thổ, núi cao. Tục lấy muối làm lễ hỏi là một tín ngưỡng vọng biển, chịu ơn Thần biển của người Việt. Muối là hương của biển, kết tinh trên mặt đất (ven biển) là biểu trưng cho sự ân nghĩa, giàu đậm, sâu sắc của tình người. Muối cũng là sản vật đặc thù của cư dân diêm điền vùng nhiệt đới (Đông Nam Á), rất hiếm và cũng rất cần đối với cư dân vùng núi cao hay các quốc gia ôn đới khó có thể nấu muối, phơi muối. Cũng cần phải nói thêm là, cùng với muối, trong số các sản vật mà Đế Lai biết tới, còn có nhiều vật phẩm là do biển sinh thành. Do ở vào vị trí tiếp giao giữa các khu vực địa - kinh tế, các hệ sinh thái mà “nước ta trở thành nơi gặp gỡ của nhiều luồng thực vật từ Nam Trung Quốc xuống, từ Ấn Độ sang, từ Malaysia, Indonesia lên. Nhân tố đó đã góp phần tăng thêm tính đa dạng của thế giới sinh vật nước ta”<sup>5</sup>. Điều đó lý giải vì sao, từ xa xưa các đế vương phương Bắc

<sup>1</sup> Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chí*, Sđd, tr.44.

<sup>2</sup> Yamamoto Tatsuro: *Myths Explaining the Vicissitudes of Political Power in Ancient Vietnam*, Acta Asiatica No. 18, 1970, p.82.

<sup>3</sup> Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chí*, Sđd, tr.45.

<sup>4</sup> Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chí*, Sđd, tr.49.

<sup>5</sup> Phan Huy Lê: *Tính thống nhất trong đa dạng của lịch sử Việt Nam*; trong: *Tìm về cội nguồn*, Nxb. Thế Giới, H., 1988, tr.493.

đã rất chú ý đến các nguồn lợi phương Nam và đã thực thi nhiều biện pháp để chiếm đoạt các nguồn lợi đó.

Khi *Đất - Nước* trở lại yên bình, không thể tiếp tục tách biệt, sống xa môi trường biển, Lạc Long Quân đã trở về với biển. Do có quyền năng siêu việt, ông có thể đi (sống) dưới nước như đi (sống) trên cạn. Hiện thân dưới dạng thức một *Nhân thần*, phép màu của Lạc Long Quân còn là sự thể hiện dư ảnh về nếp sống của một *sinh thể lưỡng cư*, rất điển hình trong lịch sử tiến hoá của nhân loại. Điều đáng chú ý là, hậu duệ của ông, An Dương Vương cũng có một số bảo bối nhiệm màu trong ứng xử với môi trường chính trị khu vực và với biển. Ngoài nỏ thần, vua Thục còn có sừng tê bảy tấc, có thể rẽ nước để nhập về Thủy cung<sup>1</sup>. Sừng tê, vật quý của *Núi* có sức mạnh kỳ diệu. Đó là linh dược nhưng ở đây sản vật thiêng của rừng núi đã trở thành hình tượng của thuyền. Con thuyền đó không chỉ có thể *đi trên biển* mà còn có khả năng *đi dưới biển*, thâm nhập vào Thủy cung, vào thế giới của muôn loài thủy tộc. Tuy huyền thoại, truyền thuyết luôn có tính “xuyên đại” và cũng luôn có hiện tượng “thác ngộ thời gian” (*Anachronime*)<sup>2</sup>, huyền diệu hoá lịch sử nhưng trong đó cũng luôn chứa đựng những hiện thực, cơ sở xác thực. Nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hóa, tâm linh, huyền thoại đó đã thể hiện một năng lực tư duy về biển đồng thời thể hiện giấc mơ huyền nhiệm của người xưa về khả năng chinh phục tự nhiên cùng khát vọng làm chủ biển khơi của người Việt.

Trên một bình diện khác, huyền thoại Sơn Tinh - Thủy Tinh là sự thể hiện sức mạnh và cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ giữa hai thế lực, giữa *Ám* với *Dương*, giữa *Núi* với *Nước*. Người ta hay lấy cuộc hận thù duyên phận giữa hai con người - hai vị thần tài giỏi, để luận giải về truyền thống khai phá, giành giật đất đai, xây dựng hệ thống thủy nông. Huyền thoại đó còn là ký ức về một cuộc đại chuyển cư, mở mang châu thổ do tác động của quá trình biển

---

<sup>1</sup> Theo tích An Dương Vương và Thần Kim Quy của *Tân đình Lĩnh Nam chích quái* thì, khi bị Triệu Đà truy đuổi, “vua Thục đã cầm sừng tê bảy tấc, theo Rùa vàng rẽ nước mà vào Thủy cung”, Sđd, tr.131. Xem thêm phần Cổ tích và sản vật trong *An Nam chí lược* của Lê Tắc tr.64 & 284. Tác giả viết: “Tục truyền An Dương Vương có sừng văn tê dài bảy tấc, khi đánh trận thua, ném sừng tê xuống biển, nước rẽ ra, Vương chạy vào nước thoát nạn”, Sđd, tr.284.

<sup>2</sup> Trần Quốc Vương: *Về Sơn Tinh và văn hóa cổ Ba Vi*, trong: Việt Nam cái nhìn địa văn hóa, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H., 1998, tr.75. Tham khảo thêm Trần Quốc Vương: *Từ tư duy thần thoại đến tư duy lịch sử*, trong: Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H., 2000, tr.263-269.

tiền, biển lùi diễn ra trong lịch sử xa xưa của người Việt<sup>1</sup>. Nhưng cũng phải thấy rằng, mỗi khi Thần Nước rút đi là để lại biết bao sự trù phú, tươi tốt cho mùa vụ canh tác. Hơn thế, hiện tượng dâng nước không chỉ góp phần tô rèn bản lĩnh của một dân tộc, củng cố khối cộng đồng dân tộc mà nước còn là nhân tố không thể thiếu cho cuộc sống của con người nói chung nhất là với những cư dân vốn có truyền thống canh tác lúa nước. Tụ xa xưa, người Việt vừa có tâm lý sợ nước (nếu dâng lên thái quá: *nhất thủy, nhì hỏa*) vừa cầu nước (cầu mưa) và mong nước về. Nói cách khác, nước là một bộ phận hợp thành của truyền thống văn hoá, khắc đậm trong tư duy (mềm dẻo, năng động), trong quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước và cả trong thế giới huyền thoại của người Việt cổ. Các huyền thoại đó, “đều phản ánh một hệ thống lưỡng hợp và lưỡng phân nằm trong cả một tổng thể thần thoại - xã hội thành thế lưỡng phân và lưỡng hợp đó”<sup>2</sup>.

## 2. Đến cơ tầng văn hóa biển

Là cư dân sống ở vùng bán đảo, văn hoá Việt cổ vừa tiếp nhận, hội nhập với các nền văn hoá “lục địa” của các quốc gia khu vực vừa hoà mình với môi trường văn hoá biển, đảo. Các phát hiện khảo cổ học cho thấy, vào thời đá mới, tiếp nối những phát triển của Soi Nhụ<sup>3</sup>, Cái Bèo - một di chỉ được coi là “đã đánh dấu việc mở đầu phân vùng kinh tế tiền sử Việt Nam”<sup>4</sup>... vào

<sup>1</sup> Trong tác phẩm *Hạ Long thời tiền sử* hai tác giả Hà Hữu Nga - Nguyễn Văn Hào viết: “Trong tâm thức người Việt, huyền thoại về trận chiến Sơn Tinh - Thủy Tinh dường như thấp thoáng dấu ấn về những đợt chuyển cư lớn từ ven biển lên vùng trung châu Vĩnh Phúc - Phú Thọ - Sơn Tây để giành lấy cơ hội khai phá vùng đất màu mỡ, nơi tập trung của những đầu mối giao thông thời cổ theo các ngã miền Trung ra, Tây Bắc, Việt Bắc xuống, Đông Bắc vào. Nơi ấy chính là ngã ba sông Hồng, sông Đà và sông Lô. Cuộc đấu giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh là cuộc chạy đua về thời gian, về văn hoá để giành được công chúa. Sự va chạm giữa hai chàng là sự va chạm để hoà hợp giữa các yếu tố văn hoá Núi - Biển để hình thành nên nền văn minh Việt cổ thống nhất. Đối với lịch sử, đó là một bước tiến”. Hà Hữu Nga - Nguyễn Văn Hào: *Hạ Long thời tiền sử*, Sđd, tr.236-237.

<sup>2</sup> Trần Quốc Vượng: *Vài suy nghĩ tản mạn về trống đồng*, Sđd, tr.28.

<sup>3</sup> Nhận xét về di chỉ Soi Nhụ, nhà KCH Trình Năng Chung cho rằng: “Soi nhụ là một trong những di chỉ khảo cổ học quan trọng bậc nhất trong khu vực biển, hải đảo của miền Đông Bắc nước ta. Về mặt không gian, nó nằm ven bờ của đảo Cái Bèo lớn nhất vịnh Bái Tử Long và đối mặt với biển khơi, là một trong những đầu mối giao lưu văn hóa của toàn vùng Bắc Bộ với Nam Trung Quốc và với Đông Nam Á. Về thời gian nó tương đương với văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn. Tuy nhiên, Soi Nhụ có những khác biệt cơ bản so với các di tích Hòa Bình - Bắc Sơn ở không gian sinh tồn”. Trình Năng Chung: *Khảo cổ học tiền sử Vân Đồn (Quảng Ninh) - Tư liệu và nhận thức*, Tạp chí Khảo cổ học, số 6 (156), 2008, tr.10.

<sup>4</sup> Nguyễn Khắc Sử: *Di chỉ tiền sử Cái Bèo, Đảo Cát Bà*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009, tr.298. Có thể tham khảo thêm Hà Hữu Nga - Nguyễn Văn Hào: *Hạ Long thời tiền sử*, Ban quản lý vịnh Hạ Long, Hạ Long, Quảng Ninh, 2002. Nhận xét về di chỉ Cái Bèo tác giả



thời hậu kỳ đá mới, ở vùng Đông Bắc nước ta, một bộ phận quan trọng của Biển Đông, đã hình thành một nền *Văn hóa biển Hạ Long* phát triển rực rỡ. Theo đó, “Những dấu văn hoá Hạ Long không chỉ tìm thấy trên toàn bộ khu vực miền Bắc Việt Nam hiện nay mà còn thấy cả ở miền Trung, miền Nam, và xa hơn thế nữa, ở cả Nam Trung Quốc, Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo”<sup>1</sup>.

Nền văn hoá đó, trong quá trình hình thành, phát triển thông qua các tuyến giao thương và chuỗi đảo, đã có nhiều mối giao lưu mật thiết và tương đối rộng lớn với cả khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Trong khi văn hoá Hạ Long sớm có liên hệ sâu sắc, mạnh mẽ với trung tâm văn hoá Hoa Nam thì một số đặc trưng của nền văn hoá này như loại công cụ đá lười xoè cũng đã được tìm thấy ở Philippines, Thái Lan... Bên cạnh đó, những hạt chuỗi nhỏ, dẹt hình đĩa chế tác từ vỏ nhuyễn thể cũng được phát hiện nhiều ở Philippines. “Tất cả những phát hiện đó chủ nhân văn hoá Hạ Long không chỉ có mối quan hệ văn hoá trong phạm vi Việt Nam, Nam Trung Quốc gần kề, mà họ còn có những mối quan hệ vượt đại dương tới cả những vùng đảo xa xôi ở Đông Nam Á”<sup>2</sup>.

Sự hiện diện của những loại hình hiện vật như gốm Hạ Long, loại rìu bôn có vai có nấc, rìu một vai, dấu Hạ Long, xẻng đá đã khẳng định “vào thời tiền sử, khu vực duyên hải Đông Bắc nước ta, trong đó có Vân Đồn là cửa ngõ quan trọng nhất, là trung tâm giao lưu, quan hệ văn hóa, trao đổi sản vật giữa Đông Bắc Á với Đông Nam Á. Chính điều này làm thành những đặc trưng văn hóa độc đáo của vùng duyên hải Đông Bắc nước ta, góp phần quan trọng vào việc hình thành nền văn minh Việt cổ ở giai đoạn tiếp theo”<sup>3</sup>. Như vậy, văn hóa Hạ Long vừa là sản phẩm của quá trình lao động, sáng tạo của bao lớp cư

---

Nguyễn Khắc Sử cho rằng: “Cái Bèo là di chỉ khảo cổ thêm biển có quy mô lớn, có địa tầng dày, có tổ hợp di tích và di vật phong phú. Những vết tích văn hóa ở đây phản ánh sự phát triển kế tiếp của các cộng đồng cư dân từ Trung kỳ thời đại đá mới, mà đặc trưng là văn hóa Cái Bèo sang hậu kỳ thời đại đá mới, đặc trưng cho văn hóa Hạ Long. Đây là những tư liệu quan trọng cho việc xác định các giai đoạn phát triển văn hóa tiền sử Cát Bà trong bối cảnh tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á”. Nguyễn Khắc Sử: *Di chỉ tiền sử Cái Bèo, Đảo Cát Bà*, Sđd, tr.292.

<sup>1</sup> Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, Tập I, Thời đồ đá, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1998, tr.267. Tham khảo thêm Trình Năng Chung: *Mối quan hệ văn hóa thời tiền sử giữa Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009.

<sup>2</sup> Hà Hữu Nga - Nguyễn Văn Hào: *Hạ Long thời tiền sử*, Ban Quản lý vịnh Hạ Long, 2002, tr.233.

<sup>3</sup> Trình Năng Chung: *Khảo cổ học tiền sử Vân Đồn (Quảng Ninh) - Tư liệu và nhận thức*, KCH, tr.14.

dân sống ven biển, trên biển vừa chịu tác động mạnh của môi trường kinh tế biển, của những đợt biển tiến, biển lùi diễn ra trong lịch sử<sup>1</sup>.

Dựa trên các nghiên cứu khảo cổ học, nhân học chúng ta thấy, vào thời tiền sử và sơ sử quan hệ tương tác giữa biển với con người và môi trường văn hóa là hết sức mật thiết. Với cư dân vùng Đông Bắc, “Sau khi tiếp cận với biển, con người làm một bước ngoặt, một lối rẽ hay một ngã đường cho khuynh hướng phát triển đa vùng, đa tuyến, đa trung tâm ở Việt Nam và để rồi giao thoa, tiếp biến văn hóa và cuối cùng thống nhất trong văn hóa Đông Sơn, cơ tầng của văn minh Việt cổ, nhưng vẫn luôn mở rộng cửa đón nhận và làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Việt Nam”<sup>2</sup>. Vào thời hậu kỳ đá mới, với tư cách là chủ nhân của một nền văn hóa lớn, người Hạ Long không chỉ khai thác nguồn lợi biển ở hải sản, tôm cá mà họ còn sớm ứng đối và xác lập nhiều mối giao lưu, trao đổi trên biển, thiết lập các tuyến hải thương. Nhờ đó, mà *Văn hóa Hạ Long* đã có được những động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của nền văn hóa này. Hơn thế, “Thông qua Văn hóa Hạ Long, một cửa ngõ giao lưu, mà nền Văn minh Việt cổ luôn nhận được những cơ hội thuận lợi nhất cho quá trình phát triển của mình. Và còn có thể nói rằng, chính người Hạ Long đã góp phần lớn vào quá trình kiến tạo nền Văn minh Việt cổ”<sup>3</sup>.

Đến cuối thời đại đá mới, đầu thời đại kim khí, theo các nhà khảo cổ học và văn hoá học, những chủ nhân vùng văn hóa biển Đông Bắc Việt Nam

---

<sup>1</sup> Theo các nhà nghiên cứu Lưu Tỳ - Nguyễn Thế Tiệp - Nguyễn Tứ Dân... thì vào giai đoạn Hòa Bình - Bắc Sơn, cách ngày nay khoảng 18.000 năm trở về trước, thời băng hà lần cuối cùng, mực nước Biển Đông hạ thấp đến 110-120m. Lúc đó, cửa sông Hồng nằm ngoài cửa vịnh Bắc Bộ hiện nay và là một châu thổ rộng lớn. Khi băng hà lần cuối cùng bắt đầu tan, mực nước biển lại dâng cao và bắt đầu quá trình biển tiến Flandrian cách ngày nay 17.000 năm. Giai đoạn này biển tiến rất nhanh với tốc độ 860cm/1000 năm. Nhưng khoảng 900-10.000 năm trước, mực nước biển cũng chỉ dâng đến độ sâu 50-60m thấp hơn mực nước biển hiện tại. Mực nước Biển Đông tiếp tục dâng cao vào khoảng 7.000-8.000 năm trước và dừng lại ở độ sâu 25-70m so với mực nước biển hiện nay. Khoảng 4.500-5.000 năm trước, mực nước biển đạt tới cực đại ở độ cao hơn mức nước biển hiện nay là +5m. Sau đó biển lùi dần. Lưu Tỳ - Nguyễn Thế Tiệp - Nguyễn Tứ Dân... *Đặc điểm địa mạo thêm lục địa Việt Nam và các vùng lân cận*. Tạp chí Khảo cổ học, số 2, 1985.

<sup>2</sup> Nguyễn Khắc Sử: *Di chỉ tiền sử Cái Bèo*, Đào Cát Bà, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009.

<sup>3</sup> Hà Hữu Nga - Nguyễn Văn Hào: *Hạ Long thời tiền sử*, Sđd, tr.236. Trong công trình này, trên cơ sở các phát hiện khảo cổ học, hai tác giả cũng có chung nhận xét: “Trong một khoảng không gian trên dưới 2.000 km<sup>2</sup>... của khu vực vịnh Hạ Long và Bái Tử Long hiện nay, vào thời kỳ Hòa Bình, Bắc Sơn đã tồn tại một cộng đồng cư dân tiền sử lớn. Họ tụ cư trong các hang động đá vôi trên một địa bàn hoàn toàn độc lập so với cư dân Hòa Bình, Bắc Sơn và đã sáng tạo ra một nền văn hóa song song tồn tại với các văn hóa Hòa Bình và Bắc Sơn. Đó là nền Văn hóa Soi Nhụ”. Hà Hữu Nga - Nguyễn Văn Hào: *Hạ Long thời tiền sử*, Sđd, tr.83.

đã có mối liên hệ rộng lớn với các nền văn hóa ven biển phía Nam Trung Hoa cũng như Thế giới Đông Nam Á (*Southeast Asian World*). Bằng các phương tiện đi biển giản đơn, từ phương Bắc xuống, từ phía Nam lên, từ miền Tây xuống, từ phía Đông về, vùng biển Đông Bắc trở thành nơi tiếp giao, trao đổi sản vật giữa các chủ nhân văn hóa Đông Bắc Á - Đông Nam Á mà dấu ấn để lại là sự hiện diện của các nhóm di dân Malayo - Polynesien<sup>1</sup>. Sự xuất hiện của những nhóm người như *Pu-lao* hay *Bù-lao* (Bồ Lô - tức *Cù Lao*) có nguồn gốc Mã Lai và sau đó, từ khoảng thế kỷ X, với sự dự nhập của người Chăm và truyền thống văn hoá biển của cư dân Champa, khiến cho môi trường văn hóa biển Việt Nam có thêm những sinh lực phát triển mới, phong phú, năng động.

Những nghiên cứu về nhân chủng cũng cho thấy, trong diễn trình lịch sử, một quá trình hợp chủng giữa những người có sắc da đậm (*Negro-Australoid*) và chủng da vàng (*Mongoloid*) đã diễn ra ở vùng biển đảo Đông Bắc. Tuy những cốt sọ Indonesian mang đặc tính của cả hai chủng nhưng những đặc điểm *Negro-Australoid* thường được biểu hiện rõ nét hơn. Quá trình đó diễn ra vào thời hậu kỳ đá cũ và rõ nét từ thời kỳ đá mới. Nhưng về sau, những đặc tính nhân chủng *Mongoloid* ngày càng trở nên đậm nét hơn trong các lớp cư dân ở nhiều vùng Đông Nam Á. Nhưng cũng có nhánh, quá trình giảm đen rất ít nên dẫn tới *Australoid*<sup>2</sup>. Hậu duệ của những nhóm người mang yếu tố đen, có nguồn gốc phương Nam ấy vẫn sống, định cư lâu dài ở nhiều vùng duyên hải miền Bắc Việt Nam. Một số điều tra nhân học cũng cho thấy, đến giữa thế kỷ XX vẫn còn những nhóm người *Bồ Lô* sống tập trung ở các đảo, vùng cửa sông các tỉnh Bắc Trung Bộ<sup>3</sup>. Họ có nước da sẫm màu, tóc quăn, môi dày, mắt nhỏ, cổ rụt, nói nhanh như chim hót... Viết về một số nhóm cư dân sống ở vùng biển đảo, tác giả *Lĩnh Nam chích quái* từng cho rằng, thủy tổ của họ có nguồn gốc từ cá. Trải qua thời gian, họ dần biến thành người. Đó là những con người lương thiện “chi bắt tôm bắt hén mà ăn. Giống đó có tên là Đản Nhân, ở miền duyên hải, trong hốc đá, sống về nghề cá, có biết ít nhiều về lễ nghĩa, cùng với các dân mán mường giao dịch buôn bán, đổi lấy gạo, vải lụa v.v...”<sup>4</sup>.

<sup>1</sup> Nguyễn Duy Thiệu: *Các cộng đồng ngư dân thủy cư ở vùng biển Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6, 2003, tr.3-10.

<sup>2</sup> Nguyễn Lân Cường: *Đặc điểm nhân chủng của cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1996, tr.143.

<sup>3</sup> Cư dân vùng Cửa Sót, Hà Tĩnh gọi họ là dân *Nốc câu* (tức Thuyền câu) hoặc dân *Bồ Chính* hay *Bồ Lô Xuân Hồi*. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Thiệu thì người Cửa Sót vẫn gọi họ là “*Mường nước mặn*”.

<sup>4</sup> Vũ Quỳnh: *Tân đính Lĩnh Nam chích quái*, Sđd, tr.55.

Đứng trước biển rồi từng bước vươn ra với đại dương người Việt dần thấu hiểu, nếm trải sức mạnh và cả những năng lực ẩn tàng của biển. Trải qua nhiều thế hệ, họ đã dần tích lũy biết bao kinh nghiệm về biển, hình thành tri thức biển và chiêm nghiệm về biển. Cư dân biển đóng bè mảng, rồi chế thuyền độc mộc, tiến đến phát triển kỹ thuật đóng thuyền, chế bánh lái, cột buồm<sup>1</sup>, tạo lưới câu, chài lưới, khai thác san hô, ngọc trai, đồi mồi... và rút ra những quy luật vận động, biến đổi của đại dương. Trải qua thời gian, cư dân - ngư dân biển dần hiểu thêm quy luật của các con nước và mối liên hệ giữa biển với các vụ đánh bắt, luồng di cư của các bầy cá, địa bàn phân bố, sinh trưởng của các loài động vật thủy sinh.

Với biển, bộ phận cư dân thủy sinh vừa chịu ơn vì biển đem lại nguồn sống vừa tìm cách hoà nhập (*harmony*) với môi trường rộng lớn, mênh mông của biển. Mặt khác, họ cũng phải liên tục đương đầu, đối chọi với những biến đổi bất thường của biển với bao thách thức, hiểm nguy. Do vậy, cảm thức về biển là một cảm thức phức hợp. Chuỗi đức tin về sức mạnh của đại dương dẫn đến sự xuất hiện của hệ thống Thần Biển bao gồm cả Nhân thần, Thiên thần, Thiên thần. Sự xuất hiện hệ thống Thần biển không chỉ là quá trình tôn vinh, huyền thoại hoá của những xung lực văn hoá nội tại, tự thân mà còn là kết quả của quá trình thâm nhập và hội giao văn hoá với các quốc gia cũng vốn có truyền thống khai thác biển và sống trên biển. Bởi vậy, nếu hiểu văn hoá là môi trường sống mà trong đó còn người không ngừng thích nghi và biến đổi “thì tính sông nước cần được xem là một đặc trưng của văn hoá Việt Nam. Các di chỉ từ thời đại đá mới, các bản làng từ đầu thời đại kim khí trở về sau đều phần lớn phân bố ở bờ nước: bờ sông, bờ đầm hay bờ biển”<sup>2</sup>. Trong truyền thống và nếp sống văn hoá của các bộ phận cư dân đó vẫn còn bảo lưu biết bao huyền thoại về biển. Hằng năm, họ vẫn tổ chức lễ hội đua thuyền, lễ chọi trâu, tục thờ Cá Ông, thờ thần Độc Cước, thần Càn Hải Đại Vương, Tứ vị

---

<sup>1</sup> Ngô Đức Thịnh - Nguyễn Việt: *Thuyền bè truyền thống Việt Nam (Đặt một số vấn đề dưới góc độ dân tộc học)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 6, 1984, tr.48-55 & 82; Piétri: *Ba loại thuyền buồm ven biển Đông Dương ít được biết đến*, Tạp chí Xưa và Nay, số 134, tháng 2, 2003, tr.30-32; Li Tana: *Thuyền và kỹ thuật đóng thuyền ở Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí Xưa và Nay, số 131, tháng 1, 2003, tr.21-23; Nguyễn Duy Thiệu: *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2002, tr.185-196.

<sup>2</sup> Trần Quốc Vượng: *Một nét bản sắc của văn hoá Việt Nam - Khả năng ứng biến*, trong: Văn hoá Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H., 2000, tr.42.

Thánh Nương và nhiều vị thần biển khác<sup>1</sup>... Các sinh hoạt văn hoá và tín ngưỡng đó không chỉ là nỗi khiếp sợ trước sự rộng lớn mênh mông, sức mạnh siêu nhiên của biển mà còn là sự chịu ơn Thần Biển đã bảo vệ, cứu vớt và đem lại nguồn sống cho họ.

Sau bước tiến và có thể coi là bước ngoặt trong dư duy kinh tế biển của *Thời mở Nước* với huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, trong tâm thức của người Việt cổ một ý thức về nguồn cội, về những giá trị cộng đồng, về quê hương, mối liên hệ văn hoá giữa các vùng quê và cả với những cộng đồng văn hoá, cư dân xa xôi... đã xuất hiện. Trong cuộc trở sinh và tiếp giao văn hoá đó, con người ngày càng nhận thức được chính mình, trở nên gắn bó với quê hương, với môi trường sống và tình cảm yêu quê hương, đất nước cũng ngày một thêm sâu đậm. Không chỉ dừng lại ở năng lực chinh phục tự nhiên, con người cũng ngày càng có ý thức rõ hơn về thứ bậc xã hội và địa vị chính trị. Trong bối cảnh đó, quan hệ giai cấp bắt đầu xuất hiện và sự phân chia nghề nghiệp cũng ngày một rõ ràng, sâu sắc hơn.

Đến thời văn hoá Đông Sơn và các giai đoạn lịch sử tiếp theo, tiếp nhận truyền thống của một nền *Văn hoá biển* năng động, dễ thích nghi và biến đổi, một bộ phận cư dân Việt cổ vẫn tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ mật thiết với vùng Đông Nam Trung Quốc nhưng mở rộng dần quan hệ với Hải Nam, Đài Loan, quần đảo Ryukyu (Lư Cầu), nay là tỉnh Okinawa và vùng Kyushu (Nhật Bản), Triều Tiên cùng các nền văn hoá biển khác ở Đông Á<sup>2</sup>. Sự phân bố trống đồng và các công cụ đồng thau trên một phạm vi rộng lớn ở Đông Nam Á cho thấy sự lan toả và sức sống mạnh mẽ của nền văn hoá này.

Không chỉ truyền bá đến các quốc gia Đông Nam Á bán đảo (mà nhiều nhà nghiên cứu thường gọi và quan niệm là Đông Nam Á lục địa), trống Đông Sơn và các trống, công cụ loại hình Đông Sơn còn vượt biển đến các quốc gia hải đảo. Mặt khác, theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu, từ Nam Trung Hoa và Bắc Đông Dương, những chủ nhân của văn hoá Đông Sơn đã truyền bá văn hoá lúa nước, trống đồng, tục xăm mình, ở nhà sàn... lên phía Bắc, đến

---

<sup>1</sup> Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Văn hoá dân gian làng ven biển*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, H., 2000, tr.43-61. Tham khảo thêm Tạ Chí Đại Trường: *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Văn hoá Thông tin, H., 2006, tr.40-55 & 175-179.

<sup>2</sup> Karashima Noburu: *Trade Relations between South India and China during the 13th and 14th Centuries*; and Nagashima Hiromu: *Muslim Merchants' Visits to Japan*; in: *East- West Maritime Relations, Vol.1, The Middle Eastern Cultural Center in Japan*, 1989, p.59-82, 1-30.

khu vực văn hoá Đông Bắc Á<sup>1</sup>. Dòng chảy văn hoá từ phương Nam đã hoà trộn, ngưng kết và góp phần tạo nên sắc thái đặc thù của văn hoá Nhật Bản cổ đại<sup>2</sup>.

Theo nhà khảo cổ học người Mỹ Wilhemlm G.Solheim thì từ khoảng 10.000 năm trước Công nguyên, người Đông Nam Á đã dùng thuyền vượt biển đến Đài Loan và Nhật Bản, mang đến Nhật Bản nghề trồng *taro* (khoai) và các giống cây trồng khác<sup>3</sup>. Điều đáng chú ý là, ngay từ thời bấy giờ, hiện tượng trao đổi, giao thương trên khoảng cách lớn (*long-distance trade*) giữa các quốc gia Đông Á đã xuất hiện. Những giao lưu nội vùng, ngoại vi đa dạng đó đã đem lại sự phong phú, sức sống cho cư dân Việt cổ để rồi từ đó hình thành nên “đường viền văn hoá biển” mang đậm yếu tố Nam Đảo và là một trong những cội nguồn của văn hoá Việt<sup>4</sup>. Nói cách khác, từ trong nguồn cội, văn hoá Việt đã sớm thể hiện những đặc tính và bản sắc của cư dân bán đảo. Tiếp nhận, hội nhập và hợp luyện đồng thời cả những yếu tố lục địa và đại dương. Nhận xét về đặc tính văn hoá đó, GS. Trần Quốc Vượng từng cho rằng “Về địa - văn hoá, bản sắc văn hoá Việt là bản sắc bán đảo”<sup>5</sup>. Theo đó, “Tính biển hay tính *Mã Lai*, nói rộng ra là tính dân chài, hoà với tính *Thung lũng*, hay là tính Tày - Thái, nói rộng ra là tính *dân làm ruộng lúa nước*, ngay từ rất sớm (từ buổi bình minh của lịch sử) đã ngấm đẫm vào nền văn hoá sơ sử Đông Sơn và trở thành một nhân tố hữu cơ của cơ cấu văn hoá Việt cổ”<sup>6</sup>. *Có thể khẳng định rằng, môi trường kinh tế, văn hoá biển không chỉ là những nhân tố*

<sup>1</sup> Trong *An Nam chí lược*, về phẩm chất, phong tục và nếp sống của cư dân An Nam, Lê Tác viết: “Đàn ông lo làm ruộng, đi buôn; đàn bà lo nuôi tằm, dệt vải, cách nói phô hiển hoà, ít lòng ham muốn. Người ở xứ xa phiêu dạt tới nước họ, họ hay hỏi thăm ấy là tình thường của họ. Người sinh ra ở Giao Châu và Ái Châu thì rộng rãi, có mưu trí; người ở Châu Hoan, Châu Diển thì thuần tú, ham học. Dư nữa thì khờ dại thiệt thà. Dân hay vẽ mình... Vì trời nóng sốt, dân ưa tắm ở sông, nên họ chèo đò và lội nước rất giỏi... Tiếp khách thì đãi trà cau. Tính ưa ăn dưa mắm và những vật dưới biển”, Nxb.Thuận Hoá - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, H., 2002, tr.70.

<sup>2</sup> Keiji Imamura: *Prehistoric Japan - New Perspectives on Insular East Asia*, University of Tokyo, Tokyo 1996. Tham khảo thêm Trần Quốc Vượng: *Về một dải văn hoá Nam Đảo ven bờ Biển Đông*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 2, 1998, tr.60.

<sup>3</sup> Xem Hà Văn Tấn: *Tiền sử học Đông Nam Á - Tri thức và khuynh hướng*, trong: Theo dấu các nền văn hoá cổ, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1997, tr.26.

<sup>4</sup> Hà Văn Tấn: *Thuyền, mộ và mộ thuyền*, trong: Theo dấu các nền văn hoá cổ, Sđd, tr.717.

<sup>5</sup> Trần Quốc Vượng: *Truyền thống văn hoá Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á và Đông Á*, trong: Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H., 2000, tr.20.

<sup>6</sup> Trần Quốc Vượng: *Một nét bản sắc văn hoá Việt Nam: Khả năng ứng biến*, trong: Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, Sđd, tr.41.

*hợp thành mà còn góp phần nuôi dưỡng các nền văn hoá cổ và là động lực phát triển của văn minh Đại Việt.*

Cùng với huyền thoại Lạc Long Quân - Âu Cơ, cuộc kỳ duyên Tiên Dung (con vua Hùng - *Núi*, quý tộc) kết hôn cùng Chử Đồng Tử (sông *Nước*, bình dân) cũng có thể coi là một minh chứng điển hình về sự tiếp nối của những yếu tố văn hoá truyền thống. Do sự sắp đặt của số phận (qua ngôn từ của Tiên Dung bắt đầu toát lên ý tưởng về thuyết “Thiên mệnh”), một cách ngẫu nhiên (?) và tự nhiên, hai người đã gặp gỡ rồi đến với nhau. Tiên Dung - Đồng Tử đã tự ý hợp hôn và cuộc tình đó luôn chứa đầy những mối liên hệ giữa *thuyền* và *môi trường sông nước*. Bị vua cha phản đối, với bản tính tự nhiên (tự do?), Tiên Dung đã quyết tâm từ bỏ cuộc sống vương giả để theo Đồng Tử, tức là sẵn sàng từ bỏ địa vị quý tộc mong manh (hay có phần còn mờ nhạt của mình) để đến (trở về) với cuộc sống của một thường dân nhưng bình dị, hạnh phúc, viên mãn hơn. Chắc hẳn là do Đồng Tử quen sống ở vùng có truyền thống thương nghiệp, từng giao tiếp với các thương nhân, nên hai người đã không làm nông, cày cấy mà mở cửa hàng buôn bán rồi lập chợ ven sông, giáp với vùng cửa biển. Khách thương đến mua bán ngày một nhiều. Nhờ buôn bán phát đạt, Đồng Tử và Tiên Dung đã làm chủ một vùng và cuối cùng đã được một khách thương phương xa dạy cho cách tích lũy vốn, nhân vốn làm giàu bằng cách góp vốn đi buôn, chủ động dự nhập vào tuyến hải thương khu vực<sup>1</sup>. Từ vùng Đông Bắc, họ đã vượt biển về phương Nam, đến một quả núi nổi tiếng ở biển Nam Hải, trên núi có động Quỳnh Viên. Ở sườn núi có giếng nước ngọt, trong vắt. Thường ngày, thuyền buôn qua lại hay lấy nước ở đó. Điều kỳ lạ là, trên núi còn có đủ các giống cây lạ như đào, hạnh, chi, lan và các dị vật khác rất hấp dẫn. Những giống cây lạ, kỳ vật đó phải chăng chính là nhờ có sự giao lưu kinh tế, văn hoá với các cư dân và truyền thống văn hóa phương Nam mà thành.

Theo truyền thuyết, Đồng Tử đã lên động Quỳnh Viên, được truyền bá đạo pháp, ngộ đạo, hai người bỏ nghề buôn, chuẩn bị cho một tâm thế thoát tục. Đồng Tử - Tiên Dung bèn chia tất cả tài sản cho dân nghèo. Nhưng,

---

<sup>1</sup> Nhà buôn lớn đến từ phương xa dạy Đồng Tử rằng: “Phải tích lũy vốn, khi đã có vốn thì giàu sang cũng dễ. Vốn tức là vàng hoặc lụa. Ngạn ngữ có câu: *Vàng ở trong vườn là thai nghén, vàng ra khỏi cửa là sinh con* (Nguyên văn: *Kim tại trạch tác thần, kim xuất môn tác sinh*). Đâu có phải chuyện ngẫu nhiên. Nay ngài theo kế đó, có thể ôm đến trăm lạng vàng, lấy đó đi buôn, mua sản phẩm quý, tìm khách mà bán, chuyển đi chuyển về, lợi tức đẻ dần, rồi quay vòng, mà thu hoạch gấp bội, gấp vạn vạn”, theo Vũ Quỳnh: *Tân định Lĩnh Nam chích quái*, Sđd, tr.64.

không hiểu do phép màu của Đạo sĩ<sup>1</sup> hay được nhân dân cảm đức, mền tài mà hai người được tôn vinh, chỉ trong mấy tháng đã có cả lâu đài, cung điện, quan lại, dân chúng kéo đến châu chực. Có thể thấy, đó chính là một trong những biểu hiện cảm thức của *tư duy thương nghiệp* nhưng đồng thời cũng thấm đượm triết lý *nhân - quả* của Phật giáo. Cảm thức đó rất khác với xã hội và tư duy nông nghiệp luôn có khuynh hướng chuyển vận theo nhịp sinh học tự nhiên và trực thời gian bốn mùa. Cũng cần nói thêm là, động Quỳnh Viên ở núi Nam Giới, cửa Sốt thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Trong lịch sử, vào thời Lý (1009-1225), Trần (1226-1400), Nghệ - Tĩnh là vùng địa đầu phương Nam của Tổ quốc, là nơi giao tiếp giữa các tuyến thương mại và truyền thống văn hoá Đại Việt - Champa - Chân Lạp<sup>2</sup>. Do có nhiều vịnh biển sâu và là điểm kết nối của các tuyến giao thương dọc theo các thung lũng, dòng sông chảy theo hướng Tây - Đông nối kết các vùng tài nguyên biển với lục địa nên trong nhiều thế kỷ, khách thương từ các quốc gia khu vực như Ai Lao, Chân Lạp, Champa, Trung Hoa và có thể có cả những thương nhân từ Tây Nam Á vẫn thường hay tụ họp về vùng biển Bắc Trung Bộ<sup>3</sup>.

Từ việc nghiên cứu, đúc kết, chiêm nghiệm về các dạng thức và biểu hiện của một dải văn hoá văn hoá Nam Đảo để từ đó định dạng, xác lập bản sắc văn hoá Việt Nam, GS. Trần Quốc Vượng đã đi đến một khái luận: “Có một dải văn hoá của cư dân ngữ hệ Nam Đảo ở ven biển và các đảo gần bờ thuộc biển Đông và vùng biển Tây Nam Thái Bình Dương từ vài nghìn năm trước đây. Có một gạch nối giữa văn hoá Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo, Hoa Hạ - Việt cổ: Tày - Thái - Kadai - Môn - Khmer... và thế giới Mã Lai - Đa Đảo”<sup>4</sup>. Tương tự như vậy, với quan niệm có “một đường viền văn

<sup>1</sup> Theo Phan Kế Bính trong *Nam Hải dị nhân* thì người truyền đạo cho Đồng Tử là một nhà sư tên là Phật Quang. Thấy Đồng Tử có cách điệu thần tiên bèn truyền đạo cho. Được hơn một năm, Đồng Tử trở về truyền đạo cho Tiên Dung. Hai người trở nên mộ đạo, bỏ nghề buôn theo học đạo. Xem Phan Kế Bính: *Nam Hải dị nhân*, Nxb. Trẻ, 1988, tr.123. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa *Tân đình Lĩnh Nam chích quái* và *Nam Hải dị nhân* là, nghe theo lời khuyên của khách buôn, trong *Tân đình Lĩnh Nam chích quái* thì Tiên Dung và Đồng Tử cùng đi về phương Nam, còn trong *Nam Hải dị nhân*, thì chỉ có mình Đồng Tử đem trăm cân vàng, theo khách ra biển đi buôn. Tác phẩm không xác định rõ phương hướng, chỉ biết là ra biển.

<sup>2</sup> Bùi Dương Lịch: *Nghe An ký*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993 và *Hoan Châu ký*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1995.

<sup>3</sup> Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế Giới, H., 2007.

<sup>4</sup> Trần Quốc Vượng: *Về một dải văn hoá văn hoá Nam Đảo*, trong: *Việt Nam - Cái nhìn Địa - văn hoá*, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H., 1998, tr.355. Tham khảo thêm: Keith W. Taylor: *The Birth of Vietnam*, University of California Press, 1983.



hoá biển” trong truyền thống văn hoá Việt cổ, GS. Hà Văn Tấn cho rằng đã “có một lớp hay nhiều lớp dân cư, mang yếu tố văn hoá Nam Đảo, từ rất sớm, rõ nhất là từ cuối thời đại đá mới, đầu thời đại kim khí, đã làm thành một đường viền ven biển Việt Nam và thâm thấu vào những vùng sâu hơn phía trong. Lớp cư dân đó chẳng những không mất đi mà có thể tăng cường trong nhiều đợt, cuối cùng cũng đã hoà lẫn với cộng đồng Việt cổ. Chính đó là một trong những cội nguồn của Việt. Tuy bị hoà lẫn, nó vẫn tạo ra một sắc thái biến cho văn hoá Việt cổ”<sup>1</sup>. Theo đó, các nền văn hoá Việt cổ như Văn hoá Hạ Long, Văn hoá Đông Sơn đều gắn liền, tiến triển trên cơ sở những giá trị tảng nền và truyền thống văn hoá đó. Tiếp nối những giá trị truyền thống, “Người Việt ở miền sông nước gắn trồng trọt với chài lưới, thuyền bè các loại trở thành một phương tiện kỹ thuật giao thông quan trọng, chiến thuyền được chạm khắc trên trống đồng và chiến tướng họ Đông A (Trần) vẫn quen sinh hoạt trên thuyền”<sup>2</sup>.

Bước vào kỷ nguyên độc lập, tư duy sông nước và môi trường sống của người Việt vẫn gắn liền với các yếu tố sông, biển. Triều Lý (1009-1225) khởi dựng cơ nghiệp ở vùng quê ở bờ Nam sông Cầu và Bắc sông Hồng. Triều Trần (1226-1400) và sau đó là triều Mạc (1527-1592) đều là cư dân và khởi dựng cơ nghiệp từ vùng ven biển. Đó là những triều đại có tư duy mạnh mẽ, năng động, khoáng đạt. Ý thức sâu sắc về chủ quyền đất nước, từ thời Lý, chính quyền Thăng Long đã dành nhiều sự quan tâm cho các vùng biển đảo. Chính sử từng ghi, năm 1171, vua Lý Anh Tông đã “đi tuần các hải đảo, xem khắp hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào”<sup>3</sup>. Năm sau, mùa Xuân, tháng hai đích thân nhà vua “lại đi tuần các hải đảo ở địa giới các phiên bang Nam Bắc, vẽ bản đồ ghi chép phong vật”<sup>4</sup>. Trong khoảng thời gian đó, Đại Việt đã xác lập được những mối quan hệ kinh tế, văn hóa mật thiết với các quốc gia khu vực. Cùng với các cảng vùng Nghệ - Tĩnh và hoạt động của hệ thống chợ trải dọc vùng biên (các Bạc dịch trường) giáp với Trung Hoa, với vai trò điều tiết của Thăng Long, thương cảng Vân

<sup>1</sup> Hà Văn Tấn: *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1997, tr.717.

<sup>2</sup> Trần Quốc Vượng: *Nhìn nhận bản sắc của văn hoá Việt Nam*, trong: Văn hoá Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H., 2000, tr.38-39.

<sup>3</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993, tr.324.

<sup>4</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sđd, tr.325.

Đồn ở vùng biển đảo Đông Bắc đã trở thành một trong những trung tâm kinh tế đối ngoại quan trọng nhất của quốc gia Đại Việt<sup>1</sup>.

Trong đời sống văn hoá của các dân tộc, văn hoá được hợp thành bởi nhiều thành tố nhưng lối sống, phong tục, tư tưởng, các hành vi văn hoá... được coi là những nhân tố có ý nghĩa quan trọng. Viết về phẩm chất, phong tục và nếp sống của cư dân An Nam, trong *An Nam chí lược*, Lê Tắc viết: “Đàn ông lo làm ruộng, đi buôn; đàn bà lo nuôi tằm, dệt vải, cách nói phô hiền hoà, ít lòng ham muốn. Người ở xứ xa phiêu dạt tới nước họ, họ hay hỏi thăm ấy là tình thường của họ. Người sinh ra ở Giao Châu và Ái Châu thì rộng rãi, có mưu trí; người ở Châu Hoan, Châu Diễn thì thuần tú, ham học. Dư nữa thì khờ dại thật thà. Dân hay vẽ mình... Vì trời nóng sốt, dân ưa tắm ở sông, nên họ chèo đò và lội nước rất giỏi... Tiếp khách thì đãi trầu cau. Tính ưa ăn dưa mắm và những vật dưới biển”<sup>2</sup>. Chính sử cũng cho biết, vào thời Trần Dụ Tông (cq: 1341-1369), mùa Đông, tháng 10 năm 1362, nhà Trần cho đào hồ Lạc Thanh ở vườn ngự trong hậu cung. Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mặt chảy thông nhau. Trên bờ hồ trồng thông, tre và các thứ hoa thơm cỏ lạ. Lại nuôi chim quý, thú lạ trong đó. “Lại đào một hồ nhỏ khác. Sai người Hải Đông chở nước mặn chứa vào đó, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cua, cá nuôi ở trong hồ”<sup>3</sup>. Là một triều đại có tư duy hướng biển mạnh mẽ, văn hoá biển đã trở thành một nhu cầu sống, thường thức không thể thiếu của giới quý tộc Thăng Long thời Trần.

Đến thời Mạc, trước những chuyển biến sâu sắc của đất nước, nhiều ngành kinh tế công thương nghiệp đã có sự phát triển trội vượt. Nhà Mạc cũng rất coi trọng kinh tế thương nghiệp, hải thương. Hệ quả là, có sự xuất hiện với độ trù mật cao của các pho tượng Quan Âm Nam Hải, vị thần che chở cho các đoàn thuyền buôn, dọc theo các ngôi chùa vùng ven sông Hồng, sông Thái

<sup>1</sup> Có thể xem một số chuyên khảo trong: *Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội - Văn hiến, Anh hùng, vì Hòa bình*, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2010; Nguyễn Quang Ngọc (Cb.): *Vương triều Lý (1009-1226)*, Nxb. Hà Nội, 2010; Nguyễn Văn Kim: *Tính hệ thống và quy mô của thương cảng Vân Đồn - Nhận thức về vai trò và vị thế của một thương cảng*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9 (97), 2009.

<sup>2</sup> Lê Tắc: *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hoá - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, H., 2002, tr.70. Cũng cần phải nói thêm là, trong bài viết *Tàn mạn xung quanh chuyện mắm*, GS. Trần Quốc Vượng cho rằng “Mắm là một đặc sản Đông Nam Á... Đông Nam Á nhìn chung chăn nuôi không phát triển, lượng đạm động vật trong nền dinh dưỡng ở các nền văn minh cổ truyền Đông Nam Á chủ yếu trông cậy vào nguồn động vật thủy sinh”. Xem Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H., 2000, tr.416.

<sup>3</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993, tr.143.

Bình. Bên cạnh đó, “Từ đầu thế kỷ XVI, bên cạnh Sơn Tinh, Phù Đổng xuất hiện một thánh Đạo bắt tử nữa của Việt Nam đó là vợ chồng Chử Đồng Tử - Tiên Dung được thờ ở 72 làng buôn ven sông Nhị, như là tổ sư của nghề buôn sông, buôn biển”<sup>1</sup>. Và ngay cả triều Lê - một triều đại vốn vẫn được coi là có tư duy châu thổ mạnh mẽ, cũng đã tranh thủ những điều kiện thuận lợi mà thời đại đem lại để thúc đẩy, mở rộng kinh tế hải thương. Trong khi đó, ở Đàng Trong, vì nhiều nguyên nhân, các chúa Nguyễn đã thực thi những chính sách ngoại thương tích cực. Trong vòng 3 thế kỷ, Đàng Trong đã thiết lập nên một hệ thống thương cảng như Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn..., với nhiều hoạt động giao thương trong nước, quốc tế. Nhưng trước Hội An và trước cả Chiêm Cảng, ở lưu vực sông Thu Bồn và trải dọc gần như suốt dải đất miền Trung cũng đã từng có một thời đại văn hóa Sa Huỳnh với các loại hình mộ chum, đồ trang sức... thể hiện sâu đậm những nét chung riêng của một tiểu vùng văn hóa. Người Sa Huỳnh đã dần thân với biển, hòa mình với sóng nước đại dương đồng thời cũng đã xác lập nên một dòng mạch liên kết giữa biển đảo với lục địa<sup>2</sup>.

Có thể nói, truyền thống văn hoá biển, tri thức biển và năng lực chinh phục biển khơi của các tộc người Việt cổ không chỉ là tiềm năng, thế mạnh mà còn tạo nên niềm tin, động lực tiến ra biển để phát triển quan hệ hải thương, giao lưu văn hóa với các nền văn hóa khu vực, thế giới của người Việt trong nhiều thế kỷ sau đó. Và, truyền thống đó chỉ thực sự bị đứt gãy vào thế kỷ XIX, khi trước áp lực xâm lược của thực dân Pháp, triều đình Huế phải thực thi chính sách “bế quan, tỏa cảng”.

### 3. Một số nhận xét và kết luận

- Từ quan điểm nghiên cứu so sánh chúng ta thấy, có nhiều nét tương đồng giữa truyền thuyết Hồn Diên - Liễu Diệp trong lịch sử thời lập quốc của vương quốc Phù Nam với truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ. Đó là sự khơi nguồn về quá trình sinh thành của các vương quốc cổ kết tụ nên dân tộc Việt. Từ nhiều nghìn năm trước Công nguyên, cư dân Lương Hà từng coi

<sup>1</sup> Trần Quốc Vượng: *Mấy vấn đề về nhà Mạc*, Sđd, tr.164. Để hiểu thêm về chợ làng và mối quan hệ giữa hai thế giới tâm linh (chùa) và nhu cầu trần thế (chợ) có thể tham khảo Nguyễn Đức Nghinh: *Mấy nét phác thảo về chợ làng*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5 (194), 1980, tr.50-64; hay *Chợ chùa ở thế kỷ XVII*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (187), 1979.

<sup>2</sup> Có thể tham khảo: Ủy ban Quốc gia Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An: *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991; Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế Giới, H., 2007; Hà Văn Tấn: *Suy nghĩ về Sa Huỳnh và từ Sa Huỳnh*, trong: Theo dấu các nền văn hóa cổ, Sđd, tr. 722-735.

Thần Nước (Biển, *Ea*) là vị thần của tri thức, nghệ thuật và các nghề thủ công. Biển đã nuôi dưỡng, tôi rèn bản lĩnh và sức sáng tạo của các nền văn hóa. Do vậy, các quốc gia ven biển đều chịu ơn Thần Biển. Biển không chỉ là môi trường sống, môi trường khai thác mà còn là không gian trao đổi kinh tế, cửa ngõ tiếp giao văn hóa đồng thời là nơi đối diện thường xuyên với những thách thức chính trị từ bên ngoài. Từ trong lịch sử, “Các cư dân, tộc người, quốc gia cổ Đông Nam Á và bán đảo Đông Dương, qua đường biển đã biết hội nhập nhiều thành tựu văn hóa - văn minh Ấn Độ - Trung Hoa - Ba Tư, La Mã... về kiến trúc, điêu khắc, ca múa nhạc, chữ Phạn... và các tôn giáo Bà La Môn giáo, Phật giáo, Hồi giáo v.v...”<sup>1</sup>.

- Khảo cứu các huyền thoại, truyền thuyết trong nghiên cứu so sánh với hiện thực lịch sử chúng ta thấy, các huyền thoại, truyền thuyết tuy có tính “xuyên đại” và “thác ngộ thời gian” nhưng cũng luôn chứa đựng trong đó những giá trị hiện thực. Điều quan trọng là, bao lớp cư dân Việt đã duy tồn những niềm tin mãnh liệt về những sắc màu huyền nhiệm, về nguồn gốc thiêng liêng của tổ tiên và người ta đã lao động, chiến đấu, hy sinh... vì những niềm tin, sắc màu huyền nhiệm ấy. Trong khi nhấn mạnh đến truyền thống văn hóa và vai trò của kinh tế biển, hiển nhiên chúng ta không thể không trân trọng và đánh giá cao vị trí cùng những giá trị của văn hóa nông nghiệp, của sản xuất thủ công, của việc khai thác các nguồn lâm thổ sản, của tinh thần cố kết cộng đồng, truyền thống yêu nước chống ngoại xâm v.v... Tất cả đã hợp luyện nên một truyền thống văn hóa Việt Nam. Không có một cái nhìn công bằng và khách quan đó chúng ta không những sẽ đánh mất đi một phần di sản văn hóa quý báu của cha ông, một nguồn lực phát triển mà lịch sử, xã hội, văn hóa Việt Nam cũng không được nhìn nhận một cách tổng thể, phong phú, trọn vẹn đúng với bản chất của nó.

- Trong những thập kỷ qua, các nhà sử học, văn hóa học... đã có nhiều công trình chuyên khảo sâu sắc về lịch sử, văn hóa dân tộc. Chúng ta cũng đã từng vận dụng nhiều quan điểm, phương pháp nghiên cứu kinh điển, tiên tiến để làm sáng tỏ những vấn đề căn bản, cốt lõi trong hành trình lịch sử dân tộc. Chúng ta từng nghiên cứu lịch sử, xã hội và văn hóa dân tộc theo hướng tiếp cận từ lục địa, từ các không gian châu thổ, từ sự thăng trầm của các xã hội nông nghiệp, từ nền kinh tế - chính trị vương quyền, từ sự xung đột chính trị và các cuộc chiến tranh v.v... Giờ đây, chúng ta lại có thêm và ứng dụng một

---

<sup>1</sup> Trần Quốc Vượng: *Mấy nét khái quát lịch sử cổ xưa về cái nhìn về biển của Việt Nam*; trong: *Biển với người Việt cổ*, Sđd, tr.14-15.

số phương pháp, cách thức tiếp cận mới như Khu vực học, Quốc tế học, Nghiên cứu liên ngành... trong đó có Cái nhìn từ biển (*View from sea*). Cách thức tiếp cận đó không chỉ có ý nghĩa bổ sung mà còn hướng đến một cái nhìn đa diện, toàn diện về lịch sử, văn hóa Việt Nam và hơn thế, chúng ta cũng phải nghĩ suy cẩn trọng hơn nhiều nhận định, đánh giá có phần cực đoan, “truyền thống” trước đây về đặc tính, bản sắc, bản chất của lịch sử, văn hóa dân tộc trong tương quan, so sánh với các quốc gia khu vực.

Điều cần khẳng định là, một dân tộc có những huyền thoại về thời lập quốc gắn liền với con người và môi trường biển, một dân tộc vốn có truyền thống văn hóa biển (với Đông Sơn - Sa Huỳnh và những *Thế chế biển* Champa, Phù Nam), một dân tộc từng bảo vệ trọn vẹn chủ quyền đất nước, mở mang cương vực lãnh thổ bằng nghệ thuật quân sự và những lực lượng thủy quân mạnh, một dân tộc từng dần thân với biển, phát triển hải thương với nhiều quốc gia châu Á, châu Âu, từng vươn ra khai thác, làm chủ các đảo như Vân Đồn, Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré, Côn Đảo, Phú Quốc, Thổ Chu... và cả các đảo đại dương Hoàng Sa, Trường Sa<sup>1</sup>... thì dân tộc đó chắc chắn phải có *Truyền thống biển* và *Tư duy hướng biển*.

---

<sup>1</sup> Có thể xem Nguyễn Q. Thắng: *Hoàng Sa - Trường Sa: Lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế*, Nxb. Tri Thức, H., 2008; Nguyễn Đình Đầu: *Hành trình của một tri thức dần thân*, Nxb. Thời Đại - Tạp chí Xưa & Nay, Tp. HCM, 2010; Nguyễn Quang Ngọc: *Giá trị của các trang sử liệu viết về Hoàng Sa, Trường Sa trong sách Phủ biên tạp lục*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5 (318), 2001, tr.30-38; Nguyễn Thừa Hỷ: *Quần đảo Paracels và các nhà hàng hải Bồ Đào Nha trong thế kỷ XVI*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 3, 1998; Đặng Đình Quý (Cb.): *Biển Đông – Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực*, Nxb. Thế Giới, 2010...